

Bản án số: 05 /2021/HS-ST
Ngày 27/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Huyền;
2. Bà Doãn Thị Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Duy Định và ông Nông Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2020/TLST-HS ngày 30/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS, ngày 12/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Quốc T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 22/12/1976 tại Phú Lương, Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Khu C1, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Quốc T1 và bà Bùi Thị H (Đều đã chết); Vợ Hoàng Thị H là bị cáo trong cùng vụ án, có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 21/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thị H (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/8/1984 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT: Thôn T II, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: Khu C1, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 2/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn S (Đã chết) và bà Lý Thị H; Chồng Hoàng Quốc T là bị cáo trong cùng vụ án, có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 04/6/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Hà Duy Đ (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 22/3/1997 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc

Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn T và bà Chu Thị L (Là bị cáo trong cùng vụ án); Vợ, con: Chưa có; Tiền án: 01 (Tại Bản án số 45/HSPT ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử phúc thẩm xử phạt Hà Duy Đ 30 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", đến ngày 23/02/2020 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương), Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 07/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại pH tòa.

4. Hoàng Văn H1 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 09/3/1991 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn D và bà Đoàn Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2020 đến ngày 09/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Bàn Thị B (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/10/1979 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 02/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bàn Tài L và bà Bàn Thị S (Đều đã chết); Chồng Bàn Văn C (Đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2006 bị khuyết tật bẩm sinh đặc biệt nặng; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Nông Nhật H2 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/4/1999 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu Chợ 2, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn V và bà Đinh Thị N; Vợ Hà Thị S, có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 07/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Trần Ngọc H3 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 22/11/1995 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu AB, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: H4; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quầy T và bà Nông Thị C; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 07/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Dy Thị T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/6/1991 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dy Văn

V và bà Hạ Thị P; Chồng Nông Văn N, hiện đang ly thân, có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 02/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn trong một vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” khác, có mặt tại phiên tòa.

9. Triệu Thị H4 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 21/7/1989 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Hữu B và bà Bàn Thị C; Chồng Nông Văn T (Đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2008; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 07/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

10. Chu Thị L (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 25/5/1975 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Đức V và bà Lý Thị T (Đều đã chết); Chồng Hà Văn T, có 02 con, con lớn là Hà Duy Đ, sinh năm 1997 là bị cáo trong cùng vụ án, con nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 04/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

11. Chu Thị Y (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/5/1991 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 18, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Văn A và bà Bé Thị D; Chồng Chu Hoàng Tr (Đã ly hôn) là bị cáo trong cùng vụ án, có 02 con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 04/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

12. Chu Văn T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/10/1997 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Đình K và bà Nông Thị V; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2020 đến ngày 09/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

13. Nông Trương D (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 24/9/1991 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nông Trương C (Đã chết) và bà Hứa Thị K; Vợ Phạm Thị H (Đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2017; Tiền án: 01 (Tại Bản án số 99/HSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội "Lưu hành tiền giả"), Tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 17/12/2018 bị Công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc phạt tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt xong ngày 07/01/2019. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

14. Lưu Văn V (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/02/1991 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn B và Nguyễn Thị Đ; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

15. Hứa Tuấn V1 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 06/7/1996 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hứa Văn K và bà Nông Thị T; Vợ La Thị K, có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2020 đến ngày 09/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

16. Trương Văn D (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/9/1997 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu Chợ 2, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Kim C và bà Nông Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

17. Đàm Thị P (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 14/5/1979 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu Chợ 1, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 2/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Quang H và bà Lý Thị C; Chồng Đinh Ngọc H, có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 04/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

18. Nông Gia C (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 25/12/1966 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu Chợ 1, xã B, huyện N,

tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 10/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Gia N và bà Nông Thị Đ (Đều đã chết); Vợ Linh Thị B, có 03 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

19. Doanh Thiêm P (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 17/8/1964 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 0/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Doanh Thiêm P và bà Chu Thị A; Vợ Nguyễn Thị C, có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

20. Nông Văn G (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 11/02/1972 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu Chợ 1, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Xuân L (Đã chết) và bà Nông Thị N; Vợ Nguyễn Thị V, có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 07/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

21. Nông Văn Đ (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 22/6/1969 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 5/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn L và bà Danh Thị V (Đã chết); Vợ Triệu Thị H, có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 07/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

22. Chu Hoàng Tr (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/8/1985 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: Tổ 18, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Khu Chợ 1, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Đ (Đã chết) và bà Chu Thị L; Vợ Chu Thị Y (Đã ly hôn) là bị cáo trong cùng vụ án, có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt truy nã và tạm giam từ ngày 08/9/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

23. Tống Văn D (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/5/1971 tại Yên Mô, Ninh B; Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Khu Chợ 2, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tống Văn N và bà Đàm Thị N; Vợ Đoàn Thị T,

có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

24. Lâm Thị N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/9/1963 tại Ngân Sơn, Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu Chợ 1, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 5/10; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn S và bà Lô Thị K (Đều đã chết); Chồng Nguyễn Ngọc D (Đã ly hôn), có 04 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, Tiền sự: Không; Về nhân thân: Tại Bản án số 1220/HSPT ngày 29/8/2003 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã xử phạt bị cáo 16 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 16/5/2013 chấp hành xong hình phạt tù. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 07/5/2020 thì được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Sau đó bị cáo bỏ trốn và bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 26/8/2020 đến ngày 12/11/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang Bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Hoàng Ngọc T, sinh năm 1998, trú tại: Khu P, xã Vân T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng:*

1. Nông Trung H5, sinh năm 1998, trú tại: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Hoàng Duy K, sinh năm 1995, trú tại: Khu 2, xã Vân T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Nông Hoàng A, sinh năm 1999, trú tại: Khu Chợ 1, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 20 phút ngày 28/4/2020, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn phối hợp với chính quyền địa phương, bắt quả tang tại đình đòi thông thuộc thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn 13 người đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền, gồm: Hoàng Quốc T, tạm giữ 01 chiếc điện thoại IPHONE màu trắng, số tiền 45.000đ; Hà Duy Đ, tạm giữ 01 chiếc điện thoại NOKIA bàn phím màu đen, 01 chiếc điện thoại WIKO màu trắng màn hình cảm ứng; Nông Nhật H2, tạm giữ 01 chiếc điện thoại IPHONE màu trắng; Trần Ngọc H3, tạm giữ 01 chiếc điện thoại HUAWEI màu đen, số tiền 550.000đ; Nông Văn Đ, tạm giữ 01 chiếc điện thoại OPPO màu đen, 01 xe mô tô ZONGSHEN, biển kiểm soát 97F8-6921; Chu Thị Y, tạm giữ 01 chiếc điện thoại IPHONE màu trắng, số tiền 35.000đ; Dy Thị T, tạm giữ 01 chiếc điện thoại IPHONE màu trắng vàng, số tiền 5.550.000đ; Chu Thị L, tạm giữ 01 chiếc điện thoại SAMSUNG màu đen; Lâm Thị N, tạm giữ 01 chiếc điện thoại NOKIA bàn phím màu đen, số tiền 1.800.000đ; Nông Văn G, tạm giữ 01 chiếc điện thoại VIVO

màu vàng, số tiền 1.300.000đ; Hoàng Ngọc T, tạm giữ 01 chiếc điện thoại IPHONE màu trắng hồng, số tiền 70.000đ; Hoàng Thị H, tạm giữ 01 chiếc điện thoại IPHONE 6 màu vàng, số tiền 550.000đ; Triệu Thị H4, tạm giữ 01 chiếc điện thoại OPPO màu đỏ đen, số tiền 130.000đ. Tổng số tiền tạm giữ của 13 người là 10.030.000đ (Mười triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Khi Cơ quan Công an tiến hành bắt giữ, thì có 15 người đã chạy thoát. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với 02 người gồm: Hoàng Văn H, tạm giữ 01 chiếc điện thoại NOKIA bàn phím màu đen, 01 điện thoại SAMSUNG màu trắng màn hình cảm ứng; Nông Trương D, tạm giữ 01 chiếc điện thoại OPPO màu xanh.

Có 05 người tự giác đến Cơ quan điều tra đầu thú khai nhận hành vi đánh bạc, gồm: Chu Văn T; Hứa Tuấn V1 giao nộp 01 chiếc điện thoại NOKIA bàn phím màu đen; Lưu Văn V giao nộp 01 chiếc điện thoại IPHONE 7 PLUS màu đen; Trương Văn D; Đàm Thị P.

Cơ quan điều tra đã triệu tập được 08 người còn lại để lấy lời khai gồm: Nông Gia C, Bàn Thị B, Doanh Thiêm P, Tống Văn D, Chu Hoàng Tr, Nông Trung H, Hoàng Duy K và Nông Hoàng A.

Tang vật thu giữ trên chiếu bạc bao gồm: 01 (Một) bạt dứa các đôi tượng trải ra để ngồi đánh bạc; số tiền: 19.550.000đ (Mười chín triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (Một) bát sứ; 01 (Một) đĩa sứ; 04 (Bốn) quân vị; 01 (Một) bảng vị; một túi nilon màu trắng bên trong có một bút dạ màu đen và hai mảnh tre; một bao tải dứa màu đỏ bên trong có một con dao và một mảnh tre.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Hoàng Quốc T. Qua khám xét tạm giữ: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền Việt Nam; 01 (Một) bát sứ, 01 (Một) đĩa sứ, cùng một số giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; giấy phép lái xe; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy mua bán xe và một số giấy tờ khác.

Kết quả điều tra xác định: Khoảng hơn 13 giờ ngày 28/4/2020, Hoàng Quốc T rủ Chu Thị Y; Dy Thị T; Chu Thị Len; Lâm Thị N đi đánh bạc và gọi điện cho Hoàng Văn H đi vào khu đồi thông thuộc thôn T, xã T, huyện N để canh giới. Ngoài ra, T còn gọi điện thoại cho Bàn Thị B mang nước uống đến phục vụ các đối tượng đánh bạc và T tự chuẩn bị bạt, bát, đĩa, mảnh tre, dao, bảng vị để vào trong chiếc bao tải dứa màu đỏ mà Bàn Thị B đựng nước, rồi đặt lên xe ô tô BKS 29C-671.05 của T. Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô BKS 29C-671.05 chở Hoàng Thị H (vợ của T), N, B, Y, Len và T đi vào thôn T để đánh bạc. Khi đến địa điểm T, thì mọi người đi bộ lên đồi thông để tìm chỗ đánh bạc, B là người vác chiếc bao tải lên đồi thông, sau đó mọi người hộ nhau trải bạt ra ngồi. Lúc này, T lấy dao, mảnh tre và bút dạ chuẩn bị sẵn từ nhà để cắt làm quân vị. Khi thấy xe ô tô của T đi vào xã Thượng Ân, thì Tống Văn D đi vào theo sau. Quá trình đi đánh bạc thì T có rủ thêm Hà Duy Đ; Nông Trương D tham gia đánh bạc. Ngoài ra, H gọi điện thoại cho Hoàng Văn H đi vào thôn Thắm Ông, để canh giới cho mọi người đánh bạc. Sau đó, có thêm người đến và cùng nhau ngồi vào bạt để đánh bạc. Lúc này, D là người xóc

cái cho mọi người đánh bạc, đánh được một lúc, thì H dùng điện thoại gọi cho Hà Duy Đ (con trai của Chu Thị L) vào xóc cái cho mọi người đánh bạc. Khi Đ đến, thì ngồi vào vị trí thay D tiếp tục xóc cái cho mọi người đánh bạc, xóc cái được một lúc thì H bảo Đ thu tiền phé (tiền hồ) của mọi người tham gia đánh bạc. Đ thu tiền hồ của những người tham gia đánh bạc, mỗi người 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Số tiền thu được, Đ đưa ra phía sau thì B là người cầm số tiền này đưa cho H, H đếm được 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Hình thức đánh bạc, là sử dụng một chiếc đĩa sứ để ngửa trên chiếu, đặt 4 quân bài bằng tre mỏng cắt nhỏ hình vuông, một mặt bôi đen đặt lên trên đĩa, úp bát sứ lên 4 quân bài. Sau đó, một người cầm bát và đĩa lên xóc nhiều lần và đặt xuống chiếu, hai bên đặt tiền để chơi với nhau theo “cửa chắn” và “cửa lẻ”. Sau khi đã đặt tiền xong mới mở bát sứ ra để xét bài, nếu quân bài thể hiện 4 quân mặt đen, 4 quân mặt trắng hoặc 2 quân mặt đen, 2 quân mặt trắng là chắn. Nếu quân bài thể hiện 3 quân mặt đen, 1 quân mặt trắng hoặc 3 quân mặt trắng, 1 quân mặt đen là lẻ. Bên nào đặt tiền, nhưng lệch cửa, không đúng cửa đánh, thì thua và mất số tiền đã đặt cho bên thắng. Số tiền đặt không hạn chế, với tỷ lệ 1 ăn 1 (Đặt 100.000đ nếu thắng sẽ được thêm 100.000đ).

Quá trình điều tra xác định các bị cáo đã sử dụng số tiền vào đánh bạc, cụ thể:

1. Hoàng Quốc T: Là người trực tiếp đứng ra tổ C cho 24 người cùng đánh bạc trong một chiếu, với số tiền thu được trên chiếu bạc là 19.550.000đ. Mục đích tổ C đánh bạc, để thu tiền hồ (tiền phé) của những người tham gia đánh bạc, T không đặt tiền tham gia đánh bạc, T có dùng bảng vị để cá cược, nhưng không có ai đặt tiền. T là người trực tiếp chuẩn bị quân vị, bát đĩa, bát, bảng vị, lựa chọn địa điểm và gọi điện thoại cho nhiều người đến đánh bạc, phân công Hoàng Văn H làm cảnh giới, phân công Hà Duy Đ, Hoàng Thị H, Bàn Thị B thu tiền hồ, phân công Bàn Thị B mang nước đến phục vụ những người đánh bạc và cho B trừ tiền hồ vào tiền nước và tiền công.

2. Hoàng Thị H: Là người trực tiếp gọi điện thoại cho Hoàng Văn H đến cảnh giới cho mọi người đánh bạc. Tại địa điểm đánh bạc, H gọi điện thoại cho Hà Duy Đ đến để xóc cái cho những người đánh bạc và giao cho Đ thu tiền hồ của người đánh bạc. Số tiền hồ Đ thu được đưa cho Bàn Thị B, sau đó B đưa lại cho H số tiền hồ là 1.000.000đ. H mang theo số tiền 5.550.000đ, tại địa điểm đánh bạc H cho Chu Văn T vay số tiền 6.000.000đ, có 500.000đ tiền hồ. H không thừa nhận cắt lãi 600.000đ trong khoản tiền cho Thành vay. Bản thân H không đặt tiền tham gia đánh bạc với các đối tượng khác. Khi bắt quả tang thì H còn số tiền 550.000đ, trong đó có 500.000đ là tiền hồ, còn 50.000đ là tiền cá nhân không liên quan đến đánh bạc.

3. Hà Duy Đ: Được Hoàng Quốc T gọi điện rủ đi đánh bạc, sau đó được Hoàng Thị H gọi điện thoại vào khu đồi thông thuộc thôn Thảm Ông, để xóc cái cho người khác đánh bạc và thỏa thuận sẽ được trả tiền công 400.000đ/ buổi, nên Đ đồng ý. Quá trình xóc cái, Đ được H giao thu tiền hồ của những người đến đánh bạc, số tiền hồ Đ thu được là 1.800.000đ, thu xong Đ đưa số tiền hồ

này cho Bàn Thị B, sau đó B đưa tiền hồ cho ai thì Đ không biết. Đ không đặt tiền để tham gia đánh bạc, việc Đ xóc cái chưa được trả công thì bị bắt quả tang. Quá trình điều tra xác định chỉ có 10 (Mười người) nộp tiền hồ, mỗi người 100.000đ, nên Đ khai thu được 1.800.000đ là không có cơ sở.

4. Hoàng Văn H: Được Hoàng Quốc T và Hoàng Thị H gọi điện thuê đi vào thôn Thắm Ông để canh giới, canh gác cho T tổ C đánh bạc, được hứa hẹn trả công là 400.000đ/buổi, nên H đồng ý và một mình đi vào khu vực đồi Thông, rồi trèo lên đồi phía bên ngoài địa điểm đánh bạc để ngồi quan sát. Do sới bạc của T tổ C bị phát hiện bắt quả tang, nên H chưa nhận được tiền công.

5. Bàn Thị B: Được Hoàng Quốc T gọi điện thoại rủ đi cùng mang nước uống, bánh kẹo vào thôn Thắm Ông để phục vụ mọi người đánh bạc và sẽ được hưởng tiền công từ số tiền hồ thu được. Tại sới bạc, thì Đ thu tiền hồ của những người tham gia đánh bạc và đưa tiền hồ cho B cầm, B giữ lại số tiền 300.000đ từ số tiền hồ Đ vừa thu được, số tiền còn lại B đưa cho Hoàng Thị H. B còn trực tiếp thu tiền hồ 200.000đ của hai người đàn ông đến sau, B không thừa nhận được thu tiền hồ của Đàm Thị P. Tổng số tiền hồ B được hưởng là 500.000đ, tại sới bạc B không tham gia đánh bạc.

6. Nông Nhật H2: Khi đi đánh bạc mang theo 1.300.000đ, nộp tiền hồ 100.000đ cho Hà Duy Đ. Số tiền còn lại 1.200.000đ sử dụng đánh bạc, bị thua, khi bắt quả tang không còn tiền.

7. Trần Ngọc H3: Khi đi đánh bạc mang theo 550.000đ, nộp tiền hồ 100.000đ, số tiền còn lại 450.000đ, H3 sử dụng đánh bạc nhiều ván, do thắng nên khi bắt quả tang H3 đang còn số tiền 550.000đ. Nếu không bị bắt, thì tiếp tục sử dụng hết số tiền này vào đánh bạc.

8. Dy Thị T: Khi đi đánh bạc mang theo số tiền 4.800.000đ, T cất 3.700.000đ trong túi áo mặc đi nắng để sau chỗ ngồi, không sử dụng đánh bạc, còn 1.100.000đ mang ra đánh bạc. T nộp tiền hồ 100.000đ cho Hà Duy Đ, còn lại 1.000.000đ T sử dụng vào việc đánh bạc và thắng số tiền 850.000đ. Khi bắt quả tang số tiền thu giữ của T là 5.550.000đ.

9. Triệu Thị H4: Khi đi đánh bạc mang theo số tiền 330.000đ, không phải nộp tiền hồ, H4 sử dụng số tiền 200.000đ đánh bạc và thua hết. Khi bắt quả tang thì H4 còn số tiền 130.000đ, nếu không bị bắt thì H4 sẽ sử dụng hết số tiền này vào việc đánh bạc.

10. Chu Thị L: Khi đi đánh bạc mang theo số tiền 300.000đ, không phải nộp tiền hồ, L sử dụng 300.000đ đánh bạc và thua hết.

11. Chu Thị Y: Khi đi đánh bạc mang theo số tiền 335.000đ, không phải nộp tiền hồ, Y sử dụng 300.000đ vào đánh bạc và bị thua. Khi bắt quả tang Y còn 35.000đ, số tiền này Y không sử dụng đánh bạc.

12. Chu Văn T: Khi đi đánh bạc không có tiền, tại sới bạc T vay của Hoàng Thị H 6.000.000đ để đánh bạc, H cất lãi 600.000đ, nên T chỉ được nhận số tiền 5.400.000đ, sử dụng đánh bạc và thua hết, khi bắt quả tang không còn tiền.

13. Nông Trương D: Khi đi đánh bạc mang theo 200.000đ, D bỏ ra 50.000đ đánh bạc thắng được 50.000đ. Sau đó, D tiếp tục sử dụng 100.000đ đánh thì thua hết. Có người nhắc nộp tiền hồ, nhưng D không nộp, nên không được tham gia đánh bạc nữa. Khi bắt quả tang D bỏ chạy, còn 150.000đ không sử dụng đánh bạc.

14. Lưu Văn V: Khi đi đánh bạc mang theo số tiền 1.080.000đ, nộp tiền hồ 100.000đ, sử dụng 600.000đ để đánh bạc và thua hết, nên đứng xem. Số tiền còn lại 380.000đ không sử dụng đánh bạc.

15. Hứa Tuấn V2: Khi đi đánh bạc mang theo 700.000đ, nộp tiền hồ 100.000đ cho Hoàng Thị H, sử dụng số tiền 500.000đ đánh bạc và thua hết, còn lại 100.000đ không sử dụng vào đánh bạc.

16. Trương Văn D: Khi đi đánh bạc mang theo 350.000đ, nộp tiền hồ 100.000đ cho Bàn Thị B, còn lại 250.000đ sử dụng để đánh bạc thua hết.

17. Đàm Thị P: Khi đi đánh bạc mang theo 250.000đ, nộp tiền hồ 100.000đ cho Bàn Thị B, còn lại 150.000đ sử dụng đánh bạc và thua hết, P đi về trước thời điểm bắt quả tang.

18. Nông Gia C: Khi đi đánh bạc mang theo 1.500.000đ, nộp tiền hồ 100.000đ cho Bàn Thị B, còn lại 1.400.000đ sử dụng đánh bạc và thua hết, C đi về trước thời điểm bắt quả tang.

19. Doanh Thiêm P: Khi đi mang theo 13.000.000đ, tại sới bạc P không tham gia đánh bạc, nhưng cho Nông Văn G vay 6.000.000đ và cho Nông Văn Đ vay 7.000.000đ để đánh bạc, Phút cắt tiền lãi 100.000đ/1.000.000đ tiền cho vay. Tổng số tiền lãi P cắt là 1.300.000đ.

20. Nông Văn G: Khi đi đánh bạc mang theo 800.000đ, nộp tiền hồ 100.000đ cho Hoàng Thị H, còn lại 700.000đ đánh bạc và thua hết. Sau đó Giáp vay của Doanh Thiêm P 5.400.000đ, Phút đã cắt lãi số tiền 600.000đ, để tiếp tục đánh bạc và thua hết. Khi bắt quả tang, còn 1.300.000đ, G sẽ sử dụng hết số tiền này để đánh bạc.

21. Nông Văn Đ: Khi đi đánh bạc mang theo 400.000đ, không nộp tiền hồ, đánh bạc và thua hết. Sau đó Đ vay của Doanh Thiêm P 7.000.000đ, P cắt lãi 700.000đ còn 6.300.000đ, Đ sử dụng đánh bạc và thua hết.

22. Chu Hoàng Tr: Khi đi đánh bạc mang theo 200.000đ, Tr nộp tiền hồ 100.000đ, nhưng không để ý là ai thu, còn lại 100.000đ sử dụng đánh bạc và thua hết.

23. Tống Văn D: Là người xóc cái đầu tiên cho những người đánh bạc, D xóc cái do tự phát không được ai phân công, hứa hẹn trả tiền công, bản thân D không đặt tiền để tham gia đánh bạc.

24. Lâm Thị N: Lúc đầu không thừa nhận hành vi đánh bạc, đến ngày 26/10/2020 khi đối chất với Hoàng Quốc T, thì N mới thừa nhận hành vi đánh bạc vào ngày 28/4/2020 tại thôn Thắm Ông. Khi đi đánh bạc N mang theo 1.850.000đ, không phải nộp tiền hồ, N đã sử dụng số tiền 50.000đ đánh một ván

bạc và thua, còn lại 1.800.000đ N cầm trên tay, mục đích đánh bạc, nhưng chưa kịp đánh bạc thì bị bắt quả tang.

Quá trình điều tra đủ căn cứ xác định số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc được thu trên chiếu bạc là: 19.550.000đ, số tiền các bị cáo sẽ sử dụng vào việc đánh bạc là 6.130.000đ, số tiền hồ là 1.000.000đ. Tổng cộng là: 26.680.000đ (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 03/5/2020 Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra. Kết quả các bị cáo và các đối tượng có mặt tại chiếu bạc ngày 28/4/2020 xác định vị trí, cách thức ngồi tham gia đánh bạc, phù hợp với lời khai và thực tế hiện trường vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, 24 bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 53/CT-VKS-P1 ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Hoàng Quốc T, Hoàng Thị H về tội “Tổ C đánh bạc” theo điểm a, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố Hà Duy Đ, Hoàng Văn H, Bàn Thị B về tội “Tổ C đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Truy tố Nông Nhật H2, Trần Ngọc H3, Dy Thị T, Triệu Thị H4, Chu Thị L, Chu Thị Y, Chu Văn T, Nông Trương D, Lưu Văn V, Hứa Tuấn V1, Trần Văn D, Đàm Thị P, Nông Gia C, Doanh Thiêm P, Nông Văn G, Nông Văn Đ, Chu Hoàng Tr, Tống Văn D, Lâm Thị N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 322 Bộ luật hình sự có nội dung:

“1. Người nào tổ C đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a) Tổ C cho 10 người trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 5.000.000đ trở lên,...

d); Phân công người canh gác, người phục vụ khi đánh bạc; ...

2. ...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

Điều 321 Bộ luật hình sự có nội dung:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a, ...

b, Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên;

c, ...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại pH tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn rút quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Thị H theo tình tiết định khung “*Phân công người canh gác, người phục vụ khi đánh bạc*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, giữ nguyên các nội dung khác theo cáo trạng đã truy tố và đề nghị về mức hình phạt:

- Các bị cáo xử phạt tù có thời hạn: Đối với tội “Tổ C đánh bạc”, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Quốc T từ 12 - 18 tháng tù, phạt bổ sung từ 25 - 30 triệu đồng; xử phạt bị cáo Hà Duy Đ từ 12 - 15 tháng tù, phạt bổ sung từ 20 - 25 triệu đồng; xử phạt bị cáo Hoàng Thị H từ 12 - 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi, phạt bổ sung từ 20 - 25 triệu đồng; xử phạt bị cáo Hoàng Văn H và bị cáo Bàn Thị B từ 12 - 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi, không phạt bổ sung vì bị cáo H là hộ cận nghèo và bị cáo B là hộ nghèo. Đối với các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”, đề nghị xử phạt bị cáo Dy Thị T từ 09 - 12 tháng tù, phạt bổ sung từ 10 - 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Lâm Thị N từ 09 - 12 tháng tù, phạt bổ sung từ 15 - 20 triệu đồng; xử phạt bị cáo Nông Trương D từ 09 - 12 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù về tội Lưu hành tiền giả, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 33 - 36 tháng tù, không phạt bổ sung; xử phạt bị cáo Chu Hoàng Tr từ 06 - 09 tháng tù, phạt bổ sung từ 10 - 15 triệu đồng;

Các bị cáo áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ và bị cáo Nông Văn G từ 40 - 45 triệu đồng; xử phạt bị cáo Doanh Thiêm P và bị cáo Chu Văn T từ 35 - 40 triệu đồng; xử phạt bị cáo Nông Gia C và bị cáo Nông Nhật H2 từ 30 - 35 triệu đồng; xử phạt bị cáo Lưu Văn V, bị cáo Hứa Tuấn V1, bị cáo Trần Ngọc H3, bị cáo Chu Thị Y, bị cáo Chu Thị L, bị cáo Triệu Thị H4, bị cáo Trương Văn D và bị cáo Đàm Thị P từ 25 - 30 triệu đồng; xử phạt bị cáo Tống Văn D từ 20 - 25 triệu đồng.

- Về vật chứng, án phí: Tịch thu tiêu hủy đối với những đồ vật không có giá trị. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo đánh bạc. Truy thu số tiền 500.000đ của Bàn Thị B có được từ thu tiền hồ và 1.300.000đ của bị cáo Doanh Thiêm Phú là tiền lãi cho vay để đánh bạc. Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước các điện thoại của các bị cáo Hoàng Quốc T, Hoàng Thị H, Hà Duy Đ (Kyko), Hoàng Văn H (Nokia), Triệu Thị H4, Nông Trương Dương. Tạm giữ tiền, tài sản còn lại của các bị cáo và số tiền các bị cáo tạm nộp tại Cục thi hành án dân

sự tỉnh Bắc Kạn để bảo đảm thi hành án. Trả lại cho Hoàng Ngọc T 01 điện thoại di động và 70.000đ. Các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại pH tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 17 giờ 20 phút, ngày 28/4/2020 tại khu vực đồi thông thuộc thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Hoàng Quốc T cùng Hoàng Thị H, Hà Duy Đ, Hoàng Văn H và Bàn Thị B đã có hành vi tổ C cho các bị cáo khác gồm Nông Nhật H2, Trần Ngọc H3, Dy Thị T, Triệu Thị H4, Chu Thị L, Chu Thị Y, Chu Văn T, Nông Trương D, Lưu Văn V, Hứa Tuấn V1, Trương Văn D, Đàm Thị P, Nông Gia C, Doanh Thiêm P, Nông Văn G, Nông Văn Đ, Chu Hoàng Tr, Tống Văn D và Lâm Thị N đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 19.550.000 đồng cùng một số vật chứng liên quan đến việc đánh bạc.

Qua điều tra xác định hành vi phạm tội cụ thể của các bị cáo như sau:

Bị cáo Hoàng Quốc T là người tổ C sới bạc nhằm mục đích hưởng lợi. Là người trực tiếp chọn địa điểm và chuẩn bị công cụ cho các bị cáo khác đánh bạc, đồng thời phân công Hoàng Thị H, Bàn Thị B thu tiền hồ, phân công Hà Duy Đ xóc cái, Hoàng Văn H canh giới.

Bị cáo Hoàng Thị H giúp sức cho Hoàng Quốc T trong việc tổ C sới bạc nhằm mục đích hưởng lợi. Tại pH tòa đã làm rõ, H không được T bàn bạc, trao đổi khi tổ C sới bạc, việc H thực hiện tại sới bạc ngày 28/4/2020 đều theo sự chỉ đạo, yêu cầu của T, vì T là chồng của H. Tại pH tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn rút một phần truy tố đối với bị cáo về tình tiết định khung “*Phân công người canh gác*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự là phù hợp. Khi giúp sức cho T trong việc tổ C sới bạc, H có

cho Chu Văn Thành vay số tiền 6.000.000 đồng để đánh bạc, hành vi này có dấu hiệu của tội “Đánh bạc”. Tuy nhiên, việc H cho T vay tiền được sự đồng ý của T, mục đích cho vay nhằm mục đích tổ C sới bạc. Do vậy, hành vi này của bị cáo H được thu hút để xem xét trách nhiệm hình sự về tội “Tổ C đánh bạc” là có căn cứ.

Các bị cáo Hà Duy Đ, Hoàng Văn H và Bàn Thị B thực hiện các công việc theo sự phân công của Hoàng Quốc T. Cụ thể, Hà Duy Đ được phân công xóc cái, Hoàng Văn H thực hiện việc cảnh giới, Bàn Thị B thu tiền hồ và phục vụ nước uống, bánh kẹo cho mọi người đánh bạc.

Hành vi của Hoàng Quốc T, Hoàng Thị H, Hà Duy Đ, Hoàng Văn H và Bàn Thị B đã phạm vào tội "Tổ C đánh bạc" theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Trong đó, bị cáo T, bị truy tố theo điểm a, d khoản 1 Điều 322; Bị cáo H, Đ, H và B bị truy tố theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Tổng Văn D không thả tiền đánh bạc mà tự nguyện xóc cái cho mọi người đánh bạc. Bị cáo Doanh Thiêm P không trực tiếp đánh bạc, nhưng có hành vi cho Nông Văn G và Nông Văn Đ vay 13.000.000đ để đánh bạc, được hưởng lợi 1.300.000đ. Các bị cáo còn lại trực tiếp tham gia đánh bạc. Cụ thể số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Nông Nhật H2 dùng 1.200.000đ đánh bạc và thua, nộp 100.000đ tiền hồ; Trần Ngọc H3 dùng 450.000đ đánh bạc, nộp 100.000đ tiền hồ; Dy Thị T dùng 1.000.000đ đánh bạc, do thắng nên được 1.850.000đ và sử dụng hết số tiền để đánh bạc, nộp 100.000đ tiền hồ; Triệu Thị H4 đánh bạc và thua 200.000đ, còn 130.000đ dùng để đánh bạc; Chu Thị L sử dụng số tiền 300.000đ vào đánh bạc và thua; Chu Thị Y: Dùng 300.000đ để đánh bạc và thua; Chu Văn T dùng 5.400.000đ đánh bạc và thua; Nông Trương D dùng 50.000đ đánh bạc và thua; Lưu Văn V dùng 600.000đ đánh bạc và thua, nộp 100.000đ tiền hồ; Hứa Tuấn V1 dùng 500.000đ đánh bạc và thua, nộp 100.000đ tiền hồ; Trương Văn D dùng 250.000đ đánh bạc và thua, nộp 100.000đ tiền hồ; Đàm Thị P dùng 150.000đ đánh bạc và thua, nộp 100.000đ tiền hồ; Nông Gia C dùng 1.400.000đ đánh bạc và thua; nộp 100.000đ tiền hồ; Nông Văn G dùng 6.100.000đ đánh bạc và thua, còn 1.300.000đ, tiếp tục để đánh bạc, nộp 100.000đ tiền hồ; Nông Văn Đ dùng 6.700.000đ đánh bạc và thua; Chu Hoàng Tr dùng 100.000đ đánh bạc và thua, nộp 100.000đ tiền hồ; Lâm Thị N sử dụng số tiền 1.850.000đ để đánh bạc và thua 50.000đ.

Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 26.680.000đ, trong đó: 19.550.000đ thu trên chiếu bạc, 6.130.000đ thu trên người các bị cáo sẽ sử dụng vào việc đánh bạc và 1.000.000đ tiền hồ. Hành vi của các bị cáo này đã phạm tội vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Như vậy, việc Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh - trật tự, an

toàn - xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận quần chúng, do đó cần thiết phải xử lý nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo Hà Duy Đ, Nông Trương D và Lâm Thị N có nhân thân xấu. Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hà Duy Đ, Nông Trương D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại pH tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nông Nhật H2, Trần Ngọc H3, Dy Thị T, Triệu Thị H4, Chu Thị L, Chu Thị Y, Chu Văn T, Lưu Văn V, Hứa Tuấn V1, Trương Văn D, Đàm Thị P, Nông Gia C, Doanh Thiêm P, Nông Văn G, Nông Văn Đ, Chu Hoàng Tr và Tống Văn D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Doanh Thiêm P được Bộ Tư lệnh Quân khu 1 cấp giấy chứng nhận có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến và được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định; Bị cáo Nông Văn Đ có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc được hưởng chế độ trợ cấp, được Hội Cựu chiến binh Việt Nam tặng kỷ niệm chương, nên các bị cáo Doanh Thiêm P, Nông Văn Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "*Người phạm tội là người có công với cách mạng*" theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Chu Văn T, Lưu Văn V, Hứa Tuấn V1, Trương Văn D và Đàm Thị P được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*Đầu thú*". Bị cáo Doanh Thiêm P có bố mẹ đều là thanh niên xung phong, trong đó có bố Doanh Thắng P được tặng Kỷ niệm chương thanh niên xung phong. Bị cáo Hứa Tuấn V1 có ông nội là Hứa Vinh T được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo Nông Văn G có mẹ là Nông Thị N tham gia thanh niên xung phong được cấp thẻ hội viên Thanh niên xung phong. Bị cáo Nông Văn Đ có ông nội là Nông Văn L được tặng Huân chương kháng chiến. Bị cáo Chu Thị L có bố chồng là Hà Văn S được tặng Huân chương kháng chiến. Bị cáo Hà Duy Đ có ông nội là Hà Văn S được tặng Huân chương kháng chiến. Bị cáo Hoàng Văn H có bác ruột Đàm Văn M là liệt sỹ được tặng Huân chương kháng chiến. Ngoài ra, quá trình điều tra truy tố, bị cáo Hoàng Quốc T nộp khoản tiền 15.000.000đ. Các bị cáo Hoàng Thị H, Nông Nhật H2 và Triệu Thị H4 mỗi người nộp 5.000.000đ. Các bị cáo Nông

Gia C, Đàm Thị P, Nông Văn G, Hứa Tuấn V1, Nông Trương D và Lâm Thị N mỗi bị cáo nộp khoản tiền 2.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Đàm Thị P xuất trình thêm tài liệu có bố chồng là ông Đinh Ngọc N được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó, các bị cáo T, H1, Đ, H3, H2, H4, L, T, D, V, V1, D, P, C, P, G, Đ và N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét vai trò và mức độ chịu trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

Đối với hành vi Tổ C đánh bạc, bị cáo Hoàng Quốc T giữ vai trò đầu vụ và phải chịu trách nhiệm chính vì T là người đứng ra chọn địa điểm, trực tiếp chuẩn bị các công cụ phương tiện để cho mọi người đánh bạc, phân công nhiệm vụ cho từng người trong sới bạc. Bị cáo Hoàng Thị H giữ vai trò đồng phạm với T, là người giúp sức tích cực cho bị cáo T trong việc tổ C sới bạc. Các bị cáo Hà Duy Đ, Hoàng Văn H và Bàn Thị B thực hiện các công việc theo sự phân công của T, vai trò của ba bị cáo là như nhau.

Đối với hành vi đánh bạc, các bị cáo Nông Nhật H2, Trần Ngọc H3, Dy Thị T, Triệu Thị H4, Chu Thị Len, Chu Thị Y, Chu Văn Thành, Nông Trương Dương, Lưu Văn V, Hứa Tuấn Vũ, Trương Văn Duy, Đàm Thị P, Nông Gia C, Nông Văn G, Nông Văn Đ, Chu Hoàng Tr và Lâm Thị N là những người trực tiếp tham gia đánh bạc. Bị cáo Tống Văn D xóc cái, Doanh Thiêm P cung cấp tiền cho các bị cáo khác đánh bạc, mặc dù không trực tiếp đánh bạc nhưng có hành vi giúp sức cho các bị cáo khác. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc là như nhau.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu rõ hành vi tổ C cho người khác đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật song các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần thiết phải có mức hình phạt tương xứng phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Bị cáo Hoàng Quốc T giữ vai trò đầu vụ, là người chủ mưu cầm đầu; Hà Duy Đ, Nông Trương D có nhân thân xấu, hiện còn tiền án chưa được xóa án tích; Lâm Thị N nhân thân xấu từng bị xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, trong vụ án này bị cáo có hành vi trốn truy nã; Dy Thị T trong quá trình được tại ngoại về hành vi đánh bạc, lại tiếp tục phạm tội, hiện đang bị tạm giam để điều tra, truy tố trong một vụ án khác; Chu Hoàng Trình sau khi phạm tội đánh bạc có hành vi bỏ trốn và bị truy nã hiện đang bị tạm giam. Xét thấy, các bị cáo này không có khả năng tự cải tạo, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung và thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật. Riêng bị cáo D phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo, nên theo quy định của pháp luật buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án này theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Hoàng Thị H, Hoàng Văn H và Bàn Thị B giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Hoàng Quốc T. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có

nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo. Do đó, chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, buộc các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng là phù hợp và đảm bảo răn đe.

Các bị cáo Nông Nhật H2, Trần Ngọc H3, Triệu Thị H4, Chu Thị L, Chu Thị Y, Chu Văn T, Lưu Văn V, Hứa Tuấn V1, Trương Văn D, Đàm Thị P, Nông Gia C, Doanh Thiêm P, Nông Văn G, Nông Văn Đ và Tống Văn D đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định đủ khả năng tự cải tạo, mục đích phạm tội của các bị cáo nhằm thu lợi bất chính, nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo. Tuy nhiên, cần căn cứ số tiền các bị cáo đã đánh bạc để cân nhắc mức phạt tiền cho phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền thì không xem xét phạt bổ sung. Bị cáo Bàn Thị B hiện nay hoàn cảnh khó khăn, có con là người khuyết tật nặng được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định; bị cáo Hoàng Văn H và Nông Trương D thuộc hộ cận nghèo tại địa phương. Do đó, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Bàn Thị B, Hoàng Văn H và Nông Trương D. Ngoài ra, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo bị áp dụng hình phạt tù và phạt tù nhưng được hưởng án treo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe ô tô bán tải; 09 xe mô tô các loại; nhiều loại giấy tờ tùy thân, giấy đăng ký xe ô tô, mô tô tạm giữ của các bị cáo khi bắt quả tang tại sới bạc và khám xét nơi ở của Hoàng Quốc T. Quá trình điều tra xác định những tài sản, giấy tờ trên không sử dụng vào việc đánh bạc, không liên quan đến việc đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp là đúng quy định pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 11H1-117.13 và xe mô tô BKS 98F8-8491 tạm giữ tại địa điểm đánh bạc. Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu và do ai điều khiển đến khu vực đánh bạc. Do đó, tách ra để xử lý sau là có căn cứ.

Các vật chứng đang tạm giữ xử lý như sau: Các vật chứng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. Vật chứng các bị cáo sử dụng để liên lạc vào việc tổ C đánh bạc và đánh bạc, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước gồm: 01 điện thoại của Hoàng Quốc T; 01 điện thoại của Hoàng Thị H; 01 điện thoại của Nông Trương D; 01 điện thoại Nokia của Hoàng Văn H; 01 điện thoại Wyko của Hà Duy Đ; 01 điện thoại của Triệu Thị H4.

Vật chứng không liên quan đến việc phạm tội, song cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo gồm: 01 điện thoại của Nông Văn G; 01 điện thoại của Trần Ngọc H3; 01 điện thoại của Chu Thị Len; 01 điện thoại của Lâm Thị N; 01 điện thoại Nokia của Hà Duy Đ; 01 điện thoại Nông Văn Đ; 01 điện thoại của Dy Thị T; 01 điện thoại của Chu Thị Y; 01 điện thoại của Nông Nhật H2; 01 điện thoại của Hứa Tuấn V1; 01 điện thoại của Lưu Văn V; 01 điện thoại

Samsung của Hoàng Văn H1; 01 xe mô tô nhãn hiệu ZONGSHEN màu đỏ BKS 97F8-6921, đã qua sử dụng của Nông Văn Đ.

Các vật chứng không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho Hoàng Ngọc T gồm 01 điện thoại di động và số tiền 70.000đ.

Vật chứng là các khoản tiền bị thu giữ, xử lý như sau: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 25.680.000đ. Số tiền không sử dụng vào việc đánh bạc, song cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo gồm: 35.000đ của Chu Thị Y; Số tiền 45.000đ của Hoàng Quốc T và 10.000.000đ thu giữ tại nhà T khi khám xét; Số tiền 3.700.000đ của Dy Thị T; Số tiền 50.000đ của Hoàng Thị H.

Tạm giữ toàn bộ số tiền các bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

Truy thu số tiền 500.000đ của Bàn Thị B có được từ thu tiền hồ và 1.300.000đ của bị cáo Doanh Thiêm P là tiền lãi cho vay để đánh bạc.

[8] Trong vụ án còn có Hoàng Ngọc T bị bắt tại sới bạc; Nông Trung H; Hoàng Duy K và Nông Hoàng A có mặt tại sới bạc nhưng bỏ chạy khi Cơ quan Công an bắt quả tang. Qua tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định T, H, K và A không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Quốc T, Hoàng Thị H, Hà Duy Đ, Hoàng Văn H1 và Bàn Thị B phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Nông Nhật H2, Trần Ngọc H3, Dy Thị T, Triệu Thị H4, Chu Thị L, Chu Thị Y, Chu Văn T, Nông Trương D, Lưu Văn V, Hứa Tuấn V1, Trương Văn D, Đàm Thị P, Nông Gia C, Doanh Thiêm P, Nông Văn G, Nông Văn Đ, Chu Hoàng Tr, Tống Văn D và Lâm Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Áp dụng điểm a, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ số ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 21/5/2020. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.2 Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Duy Đ 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ số ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 07/5/2020. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.3 Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.4 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H1 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.5 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bàn Thị B 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

1.6 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Nhật H2 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.7 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H3 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.8 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Triệu Thị H4 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.9 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Chu Thị L 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.10 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Chu Thị Y 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.11 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Chu Văn T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng);

1.12 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lưu Văn V 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.13 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hứa Tuấn V1 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.14 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn D 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.15 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đàm Thị P 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.16 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Gia C 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.17 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s và x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Doanh Thiêm P 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.18 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Văn G 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng);

1.19 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s và x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng);

1.20 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Tống Văn D 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.21 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Dy Thị T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Được trừ số ngày 28/4/2020 đến ngày 02/5/2020. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.22 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Chu Hoàng Tr 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt truy nã 08/9/2020. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.23 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lâm Thị N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ số ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 07/5/2020 và từ ngày 26/8/2020 đến ngày 12/11/2020. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.24 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Trương D 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 (Hai) năm tù về tội "Lưu hành tiền giả " tại Bản án số 99/HSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nông Trương D phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 6 tháng (Hai năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ số ngày bị tạm giữ từ 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (Một) bạt dứa màu trắng, đỏ, xanh; 01 (Một) bát con bằng sứ màu trắng có H4 văn màu đỏ; 01 (Một) đĩa bằng sứ màu trắng; 04 (Bốn) quân vị hình chữ nhật có một mặt màu đen, một mặt màu xám (làm bằng tre); 01 (Một) mảnh giấy hình chữ nhật (vỏ bao thuốc lá "Thăng Long") trên mặt giấy có các dòng chữ "4 TRẮNG, 4 ĐEN, 3 TRẮNG, 3 ĐEN"; 01 (Một) túi nilon màu trắng bên ngoài có dòng chữ "1 đôi 1"; 01 (Một) bút dạ màu đen; 03 (Ba) mảnh tre; 01 (Một) bao tải dứa màu đỏ; 01 (Một) con dao bài cán bằng sắt; 01 (Một) phong bì ký hiệu "H1", trong phong bì có: 02 (Hai) con dao cán màu vàng bằng nhựa, có lưỡi sắc nhọn, 03 (Ba) mảnh tre khô, 01 (Một) bút lông dầu, vỏ màu đen; 01 (Một) phong bì ký hiệu "H", trong phong bì có 01 sim thuê bao Viettel với dãy số 8984; Q488; 5100; 1335; 156; 01 (Một) túi đeo màu xám, đã qua sử dụng của Hoàng Thị H; 01 (Một) ví giả da màu đen đã qua sử dụng của Trần Ngọc H3.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 25.680.000đ (Hai mươi năm triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó 19.550.000 đồng thu trên chiếu bạc; 6.130.000 đồng thu trên người của các bị cáo sẽ sử dụng để đánh bạc.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước gồm: 01 (Một) điện thoại di động IPHONE màu trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Hoàng Quốc T; 01 (Một) điện thoại di động IPHONE 6 màu vàng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Hoàng Thị H; 01 (Một) điện thoại di động OPPO màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Nông Trương D; 01 (Một) điện thoại NOKIA bàn phím số màu đen, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Hoàng Văn H1; 01 (Một) điện thoại Wiko màu trắng, màn hình cảm ứng đã

bị nứt vỡ (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Hà Duy Đ; 01 (Một) điện thoại di động OPPO màu đỏ đen, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Triệu Thị H4.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo gồm: 01 (Một) điện thoại di động VIVO màu vàng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Nông Văn G; 01 (Một) điện thoại HUAWEI màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Trần Ngọc H3; 01 (Một) điện thoại di động SAMSUNG màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Chu Thị L; 01 (Một) điện thoại di động Nokia loại máy bàn phím số màu đen, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Lâm Thị N; 01 (Một) điện thoại di động NOKIA loại bàn phím số màu đen, đã qua sử dụng của Hà Duy Đ; 01 (Một) điện thoại di động OPPO màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt vỡ đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Nông Văn Đ; 01 (Một) điện thoại di động IPHONE màu trắng vàng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Dy Thị T; 01 (Một) điện thoại di động IPHONE màu trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Chu Thị Y; 01 (Một) điện thoại di động IPHONE màu trắng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Nông Nhật H2; 01 (Một) điện thoại di động NOKIA bàn phím số màu đen, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Hứa Tuấn Vũ; 01 (Một) điện thoại di động IPHONE 7 PLUS màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Lưu Văn V; 01 (Một) điện thoại SAMSUNG màu trắng, màn hình cảm ứng, bị nứt vỡ màn hình, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) của Hoàng Văn H1; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu ZONGSHEN màu đỏ BKS 97F8-6921, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật xe) của Nông Văn Đ.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Ngọc T: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng hồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (không kiểm tra kỹ thuật máy) và số tiền 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng).

- Tạm giữ số tiền không sử dụng vào việc đánh bạc để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo gồm: Số tiền 35.000đ (Ba mươi năm nghìn đồng) của Chu Thị Y; 45.000đ (Bốn mươi năm nghìn đồng) của Hoàng Quốc T và 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thu giữ tại nhà Hoàng Quốc T khi khám xét; 3.700.000đ (Ba triệu, bảy trăm nghìn đồng) của Dy Thị T; 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) của Hoàng Thị H.

- Tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo gồm: Số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) của Hoàng Quốc T nộp ngày 04/9/2020 theo biên lai thu tiền số 02042; 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của Hoàng Thị H nộp ngày 04/9/2020 theo biên lai thu tiền số 02043; 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của Nông Nhật H2 nộp ngày 24/9/2020 theo biên lai thu tiền số 09169; 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của Triệu Thị H4 nộp ngày 24/9/2020 theo biên lai thu tiền số 09170; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của Đàm Thị P nộp ngày 08/10/2020 theo biên lai thu tiền số 09173;

2.000.000đ (Hai triệu đồng) của Nông Gia C nộp ngày 08/10/2020 theo biên lai thu tiền số 09172; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của Nông Văn G nộp ngày 26/10/2020 theo biên lai thu tiền số 09186; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của Hứa Tuấn V1 nộp ngày 27/11/2020 theo biên lai thu tiền số 02054; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của Nông Trương D nộp ngày 27/11/2020 theo biên lai thu tiền số 02053; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của Lâm Thị N nộp ngày 03/11/2020 theo biên lai thu tiền số 09190.

- Buộc bị cáo Bàn Thị B phải nộp lại số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) có được từ thu tiền hồ và bị cáo Doanh Thiêm P phải nộp lại số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) là tiền lãi cho vay để đánh bạc.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Quốc T, Hoàng Thị H, Hà Duy Đ, Hoàng Văn H, Bàn Thị B, Nông Nhật H2, Trần Ngọc H3, Dy Thị T, Triệu Thị H4, Chu Thị L, Chu Thị Y, Chu Văn T, Nông Trương Dương, Lưu Văn V, Hứa Tuấn V1, Trương Văn D, Đàm Thị P, Nông Gia C, Doanh Thiêm P, Nông Văn G, Nông Văn Đ, Chu Hoàng Tr, Tống Văn D và Lâm Thị N mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Phòng Hình sự Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PH TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương